

Số: 79/2023/QĐST-HNGĐ

N, ngày 09 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành được lập ngày 01 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 294/2022/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về tài sản chung:

+ Ông Nguyễn Minh T được quyền sử dụng và định đoạt thửa đất 635, tờ đồ số 13, diện tích 1187m² tọa lạc tại thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 156567 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp vào ngày 20 tháng 5 năm 2016, trên đất gắn liền những tài sản gồm: 01 nhà ở: Diện tích (4,2 x 6)m = 25,2m². Kết cấu: móng xây đá chẻ, nền gạch bông, tường xây gạch quét vôi, tỷ lệ còn lại 60%, cao 1 tầng. Chiều cao mái dưới 2,5m; 01 nhà vệ sinh: Diện tích (1,2 x 2,5)m = 3m². Kết cấu: móng xây đá chẻ, nền gạch bông, tường xây gạch quét vôi, tỷ lệ còn lại 60%, cao 1 tầng. Chiều cao mái dưới 2,5m; 01 mái che: Diện tích (6 x 3)m = 18m². Kết cấu Mái tôn, cột kèo sắt tỷ lệ còn lại 60%; nền xi măng, tỷ lệ còn lại 60%; 01 chuồng bò: Mái tôn, nền xi măng: Diện tích (6,5 x 7)m = 45,5m², tỷ lệ còn lại 60%.

- Ông Nguyễn Minh T đồng ý hoàn trả lại giá trị tiền chênh lệch tài sản cho bà Nguyễn Thị C số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu

khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo các Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Ông Nguyễn Minh T đồng ý rút lại yêu cầu phản tố đối với yêu cầu chia đôi số tiền 40.000.000đ, chia đôi 02 chỉ vàng (loại vàng 24k) có giá khoảng 5.200.000đ/chỉ và chiếc xe máy hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 86B3-130-84 mua vào năm 2012, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Minh T đối với yêu cầu chia đôi số tiền 40.000.000đ, chia đôi 02 chỉ vàng (loại vàng 24k) có giá khoảng 5.200.000đ/chỉ và chiếc xe máy hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 86B3-130-84 mua vào năm 2012. Đương sự có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị C tự nguyện chịu mọi chi phí đo đạc, định giá và chi phí trích lục bản đồ địa chính, Bà Nguyễn Thị C đã nộp đủ.

- Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị C phải chịu 2.804.985đ (Làm tròn số 2.805.000đ) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.750.000đ mà bà Nguyễn Thị Cúc đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002694, ngày 07-10-2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện N. Bà Nguyễn Thị Cúc phải tiếp tục nộp 1.055.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ông Nguyễn Minh T phải chịu 2.804.985đ (Làm tròn số 2.805.000đ) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.180.000đ mà ông Nguyễn Minh Tường đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002808, ngày 03-11-2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện N. Ông Nguyễn Minh Tường phải tiếp tục nộp 625.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thanh Bình